

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/4/2022

*“V/v chia tài sản chung của
vợ chồng sau khi ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông V Hồng V

2. B Hồ Thị Kim Luyến

- *Thư ký phiên tòa:* B Trần Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xun Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 và 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2020/HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 “ *V/v chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Văn V, sinh năm 1972. Cỡ mặt

Địa chỉ cũ: 130E/5 Khu dân cư Thới Nhứt 2, phường A, quận N, thành phố C.

Địa chỉ mới: 135/15 Đ, Khu vực 5, phường A1, quận B, thành phố C.

Bị đơn: B Trần Thị A, sinh năm 1970

Nơi cư trú: 130E/5 Khu dân cư Thới Nhứt 2, phường A, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1951. Có mặt

Nơi cư trú: Số 41 Tr, phường C, quận N, thành phố C (Giấy ủy quyền 06/5/2020).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty 279.

Địa chỉ: ấp Thị Tứ, thị trấn M, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh Ph – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Xin vắng mặt

2/ B Tạ Thanh Th, sinh năm 1982. Xin vắng mặt

Nơi cư trú: ấp Tr, x Trường L, huyện C, tỉnh H

3/ Bà Nguyễn Thị Ất, sinh năm 1949. Xin vắng mặt

Nơi cư trú: ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh H.

4/ Ông Trần Văn Th, sinh năm 1948. Xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp Thị Tứ, thị trấn M, huyện Ch, Hậu G.

5/ Chị L Thị Thu Th, sinh năm 1982. Cĩ mặt

Nơi cư trú: ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ N:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2020, ông Tạ Văn V trình by:

Trong thời kỳ hôn nhn, ông v b Trần Thị A tạo dựng được cc ti sản chung, gồm:

1/Căn nhà cấp 4 được xây dựng trên 02 mảnh đất tọa lạc tại số 130E/5 Khu dân cư Thới Nhựt 2, phường A, quận N, thành phố C (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02279, thửa 52, tờ bản đồ số 9, diện tích 120 m², đất thổ cư do UBND tỉnh Cần Thơ cấp ng 14/9/2001 cho ông Tạ Văn V đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02720, thửa 120, tờ bản đồ số 9, diện tích 82.20 m², đất CLN do UBND quận Ninh Kiều cấp ng 16/11/2010 cho b Trần Thị A đứng tên), trị giá khoảng 7 tỷ đồng. Yêu cầu chia đôi tài sản này, ông nhận tiền mặt.

2/ Hai phần đất tọa lạc ấp Tr, x Trường L, huyện C, tỉnh H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:00726, thửa 220, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.599 m², đất la do UBND huyện Ch, tỉnh H cấp ng 20/5/2015 cho ông Tạ Văn V đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:00299, thửa 217, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.600 m², đất lúa do UBND huyện Ch, tỉnh H cấp ng 23/9/2014 cho ông Tạ Văn V đứng tn), trị giá khoảng 1 tỷ đồng. Yêu cầu chia đôi tài sản này, ông nhận tiền mặt.

3/ Phần góp vốn vo Công ty 279 số tiền 14.141.000.000 đồng, do bà Trần Thị A đứng tên.

Yêu cầu chia đôi tài sản này, ông nhận tiền mặt.

4/ Ring phần đất tại ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO246349, sổ vo sổ cấp GCN: CH 00789, thửa 1275, tờ bản đồ số 10A, diện tích 8.688 m², đất CLN do UBND huyện C, tỉnh H cấp ng 28/11/2013 cho ông Tạ Văn S đứng tên, chỉnh lý qua tn ông Tạ

Văn V ngày 31/12/2013). Phần đất này do cha mẹ cho rìng, yu cầu công nhận đây l ti sản rìng, không chấp nhận chia cho b A.

Theo đơn phản tố ngày 14,20/7/2020, b Trần Thị A trình by:

Yu cầu chia ti sản chung l phần đất diện tích 8.688 m² đất CLN (trị gi khoảng 03 tỷ đồng) tại ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh Hậu G (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO246349, số vo sổ cấp GCN: CH:00789, thửa 1275, tờ bản đồ số 10A, diện tích 8.688 m², đất CLN do UBND huyện Ch, tỉnh H cấp ngày 28/11/2013 cho ông Tạ Văn Suội đứng tên, chỉnh lý qua tn ông Tạ Văn V vo ngày 31/12/2013).

B Tạ Thanh Th trình by:

Năm 2012, bà xây dựng căn nhà cấp 4 khoảng 120 m² trên phần đất 8.688 m² tọa lạc ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO246349, số vào sổ cấp GCN: CH:00789, thửa 1275, tờ bản đồ số 10A, diện tích 8.688 m², đất CLN do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 28/11/2013 cho ông Tạ Văn S đứng tên, chỉnh lý qua tn ông Tạ Văn V vo ngày 31/12/2013).

Hiện tại bà vẫn ở trên phần đất này, b không dĩ ý kiến về việc tranh chấp giữa ông V v b A. Bà cũng không yêu cầu độc lập trong vụ án này, sau khi có Bản án, quyết định dĩ hiệu lực của Tịa n b v ông V sẽ thỏa thuận giải quyết nội bộ gia đình.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2021, Công ty 279 trình by:

B Trần Thị A hiện không cịn lm việc tại Công ty, không hưởng các chế độ, không là thành viên sáng lập v không dĩ cổ phần tại Công ty 279.

Do nhu cầu công việc trong Công ty rất bận rộn, nn xin vắng mặt không tham gia cc phin hĩa giải cũng như xét xử từ sơ thẩm đến phúc thẩm.

Tại phin tĩa:

Nguyên đơn giữ yêu cầu chia đôi nhà, đất tọa lạc số 130E/5 Khu dñ cư Thới Nhựt 2, phường A, quận N, thành phố C; chia đôi 2.599 m², 2.600 m² đất lúa tọa lạc ấp Tr, x Tr, huyện Ch, tỉnh H (yu cầu nhận tiền mặt); giữ yu cầu chia đôi 14.141.000.000 đồng phần hn gĩp vốn tại Công ty i 279 v yu cầu công nhận phần đất 8.688 m² (CLN) tọa lạc ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh H l ti sản rìng (vì ti sản ny được cha mẹ tặng cho riêng).

Thống nhất chia ti sản theo Biên bản định giá ngày 16/7/2021, do Tịa n nhn dñ huyện Chu Thnh A, tỉnh Hậu Giang thực hiện v Biên bản định giá ngày 16/9/2020 (chia theo giá thị trường).

Ý kiến của phía bị đơn: Yu cầu chia ti sản theo tỷ lệ 7/3, vì công sức đóng góp của bị đơn nhiều hơn nguyên đơn. Trong khối tài sản chung, cha mẹ bị đơn cho tiền mua đất và cho tiền xây nhà; ông V không có đóng góp gì nhiều v bị đơn phải nuôi 02 con chung, từ việc ăn uống, đau ốm đến việc học hành.

Đồng thời không chấp nhận theo yu cầu chia số tiền 14.141.000.000 đồng phần hn góp vốn tại Công ty 279, ông V hồn tồn không cĩ lin quan gì đến phần hùn này. Cổ phần 17.900.000.000 đồng bị đơn mượn của ông Trần Văn Thoài, nên đ bn cổ phần ny cho Trần Thanh T vào ngày 08/3/2019 và đ trả số nợ trn cho ông Thòi (các giấy tờ đ cung cấp cho Tịa n). Về phần nợ sẽ yu cầu giải quyết sau.

Ý kiến của chị L Thị Thu T: Phần đất thừa 1275 l của cha mẹ (ông Suội, b Ất) bn cho vợ chồng ông V, bà A (trên đất đ cĩ trồng xoi), chứ không phải tặng cho như ông V trình by v trước đó cha mẹ cũng đ cho Tạ Thanh Th 500 m² đất tại thửa 1275 cất nh ở. B A, ông V đ trả cho m chồng được khoảng mấy trăm triệu, cịn nợ lại khoảng trn 1 tỷ đồng.

Sau đó, ông V, b A giao cho vợ chồng chị chăm sóc xoài và hiện tại ông V, b A cịn nợ vợ chồng chị tiền công trn 100 triệu đồng, nhưng chỉ yêu cầu ông V, b A trả 100.000.000 đồng tiền chăm sóc cây.

Ông V v b A thống nhất với ý kiến của chị Thủy, đồng ý trả cho chị Thủy 100.000.000 đồng - tiền công chăm sóc cây xoi (mỗi bn chịu ½) và đồng ý tch ra cho b Tạ Thanh Th phần đất 500 m² tại thửa 1275.

Về số tiền mua đất (thửa 1275), bà A khai đ trả cho cha mẹ chồng số tiền 430.000.000 đồng, ông V trả 160.000.000 đồng; cịn thiếu lại khoảng 1,2 tỷ đồng (tại Tịa b A cĩ cung cấp đoạn băng ghi âm của bà Ất về vấn đề mua bán đất) và bà A đồng ý trả số tiền 1,2 tỷ đồng cho b Ất (chia đôi mỗi bên chịu ½).

Ông V trình by thừa đất 1275 l tặng cho, nhưng gia đình cĩ nhiều anh em, sợ anh em phn bì nn cha mẹ mới nĩ l mua bn, thực tế l tặng cho.

Ý kiến của Kiểm st vin: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Về nội dung: Trong thời kỳ hôn nhn, ông V, bà A tạo lập được nhà, đất tại phường A, quận N, thành phố C và 03 thửa đất tại ấp Tr, x Trường L, huyện Ch, tỉnh H. Ông V yêu cầu chia đôi ti sản, ông nhận tiền mặt đổi với nhà, đất tại C v thửa đất lúa 217, 220. Đối với thửa đất 1275, ông V cho rằng đây là tài sản riêng, được tặng cho trong thời kỳ hôn nhn nn không chấp nhận chia l không thỏa đáng. Theo lời khai của chị Th, xc nhận của bà Ất, lời khai của bà A và đoạn băng ghi âm do bà A cung cấp, ghi âm việc bà Ất bán

thửa đất 1275. Do đó, giá trị nhà, đất tại C và giá trị 03 thửa đất và cây trồng trên đất tại H sẽ được chia đôi theo biên bản thẩm định giá.

Bị đơn yêu cầu chia 7/3 tài sản không phù hợp.

Đối với phần hùn góp vốn 14.141.000.000 đồng tại Công ty 279, phía bị đơn cũng như phía Công ty 279 đã cung cấp các giấy tờ chứng minh, hiện tại bị A không còn là thành viên của Công ty 279; đồng thời bà A đã bán cổ phần cho ông Trần Thanh T và bà A đã trả số tiền 17.900.000.000 đồng cho ông Trần Văn T1. Hơn nữa ông V cũng thừa nhận, ông không có đóng góp gì trong phần hùn vốn trên, nên yêu cầu của ông không được chấp nhận.

Đề nghị chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần phản tố của bị đơn.

Giao nhà, đất tại Cần Thơ và Hậu Giang cho bà A quản lý sử dụng; bị A chỉ trích nhiệm hùn trả 1/2 giá trị tài sản cho ông V theo giá trị đã định giá.

Ghi nhận việc ông V và bị A thống nhất tách ra cho bị Tạ Thanh Tho 500 m² đất tại thửa 1275;

Ghi nhận việc ông V, bị A thống nhất trả cho chị L Thị T Dnh quyền cho bị Á khởi kiện bị A, ông V về số tiền mua bán đất để giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TỊA N:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tịa n nhận dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tịa n nhận dân quận Ninh Kiều và đây là tranh chấp về “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty 279, bị Nguyễn Thị Á, bà Tạ Thanh T, ông Trần Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về tình trạng hôn nhân và về con chung:

Đương sự Tạ Văn V và Trần Thị A đã thuận tình ly hôn và về con chung đã giải quyết xong – theo Quyết định số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2017 của Tịa n nhận dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

[4]. Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, ông V và bị A tạo lập được các tài sản chung, gồm:

1/ Nhà, đất tọa lạc số 130E/5 Khu dân cư Thới Nhứt 2, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ:

Thửa đất số 52 (97.70 m², đất thổ cư); thửa đất số 120 (82.20 m², đất CLN) – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02279, do UBND tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/9/2001, chỉnh lý ngày 27/11/2017 cho ông Tạ Văn V đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02720, do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 16/11/2010 cho bà Trần Thị A đứng tên.

Kết quả định giá tài sản (Biên bản định giá tài sản ngày 16/9/2020) như sau:

- Đất thổ cư:

Giá nhà nước: 3.000.000 đồng/m² x 97.70 m² = 293.100.000 đồng;

Giá thị trường: 70.000.000 đồng/m² x 97.70 m² = 6.839.000.000 đồng.

- Đất vườn:

Giá nhà nước: 250.000 đồng/m² x 82.20 m² = 20.550.000 đồng;

Giá thị trường: 12.500.000 đồng/m² x 82.20 m² = 1.027.500.000 đồng.

- Nh:

Trị giá 1 519.708.100 đồng (160,13 m² x 3.655.000 đồng/m² + 27,17 m² x 3.382.000 đồng/m² + 10 m² x 1.578.000 đồng/m²) x 75%.

Hai bên thống nhất chia tài sản theo giá thị trường.

Nếu chia đôi tài sản, thì ông V, bà A mỗi người được hưởng giá trị đối với đất thổ cư là 3.419.500.000 đồng (6.839.000.000 đồng/2); được chia ½ giá trị đối với đất vườn là 513.750.000 đồng (1.027.500.000 đồng/2); được chia ½ giá trị đối với căn nhà 1 259.854.050 đồng (519.708.100 đồng/2).

Nh giá trị tài sản mỗi bên được hưởng là 4.193.104.050 đồng.

Tuy nhiên, xem xét về công sức đóng góp thì bà A đóng góp nhiều hơn ông V, bà A được cha mẹ ruột cho tiền mua đất, cất nhà và nuôi hai con ăn học.

Cụ thể, tại Hợp đồng bán đất ngày 01/01/2006, bà A mua 80 m² đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn Nhâm, bà Nguyễn Thị Ni. Đồng thời ông Trần Văn T1 có mua phần đất của ông Nguyễn Văn Nhâm (ngang 5m, dài 24) tọa lạc 130/5, Khu dân cư Thới Nhứt 2, phường A, quận N, thành phố C và xây dựng trên phần đất mua của ông Nhâm (có xác nhận của ông Huỳnh Đông Xuân – người xây nhà cho ông T1). Nh ông V yêu cầu chia đôi tài sản 1 không hợp lý.

Do đó, tài sản sẽ chia theo tỷ lệ 6/4 (bà A 6 phần, ông V 4 phần) là tương xứng với công sức đóng góp của hai bên.

+ Đất thổ cư có giá trị 1 6.839.000.000 đồng:

Bà A được hưởng 4.103.400.000 đồng (6.839.000.000 đồng x 60/100);

Ông V được hưởng 2.735.600.000 đồng (6.839.000.000 đồng x 40/100);

+ Đất vườn có giá trị 1.027.500.000 đồng;

Bà A được hưởng 616.500.000 đồng;

Ông V được hưởng 411.000.000 đồng;

+ Căn nhà cũ giá trị 519.708.100 đồng;

Bà A được hưởng 311.824.860 đồng;

Ông V được hưởng 207.883.240 đồng.

Vậy:

Bà A được hưởng giá trị tài sản tại mục 1 (nhà, đất tại Cần Thơ) 1.503.724.860 đồng;

Ông V được hưởng giá trị tài sản tại mục 1 (nhà, đất tại Cần Thơ) 1.335.483.240 đồng.

Ông V yêu cầu được nhận tiền, phía bà A thống nhất nên bà A được quản lý, sử dụng nhà, đất và căn nhà cũ nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản cho ông V 1.335.483.240 đồng.

2/ Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Tr, xã Trường L, huyện Ch, tỉnh H:

Ngôi khối tài sản chung tại Cần Thơ (mục 1), ông V và bà A cùng sở hữu chung 2.599 m² đất lúa (thửa 220); 2.600 m² đất lúa (thửa 217) và 8.688 m² đất CLN, thửa 1275 (Thửa đất 220, 217, 1275 đều do ông Tạ Văn V đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua thẩm định, đo đạc thực tế (Theo Mẫu trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Song Hậu), xác định:

Thửa 220 có diện tích 2.599 m²;

Thửa 217 có diện tích 2.522,7 m²;

Thửa 1275 có diện tích 10.087,9 m² (Tổng diện tích của 03 thửa là 15.209,6 m²).

Qua kết quả định giá tài sản (Bản định giá tài sản ngày 16/7/2021), xác định:

- Đất lúa (thửa 217, 220):

Có giá trị 1.307.302.000 đồng (5.121,7 m² x 60.000 đồng).

Hai bên thống nhất chia tài sản theo Bản định giá tài sản ngày 16/7/2021.

Nếu chia đôi tài sản, thì ông V, bà A mỗi bên được nhận 153.651.000 đồng (1.307.302.000 đồng/2).

Tuy nhiên, xem xét về công sức đóng góp như sau.

Nên tài sản sẽ chia theo tỷ lệ 6/4 (bà A 6 phần, ông V 4 phần), bà A được hưởng 184.381.200 đồng, ông V được hưởng 122.920.800 đồng.

Ông V yu cầu nhận tiền, phía b A thống nhất. B A được quản lý, sử dụng thửa đất 217, 220 v dĩ trch nhiệm hồn trả gi trị ti sản cho ơng V l 122.920.800 đồng.

- Đất CLN (thửa 1275):

Diện tích 10.087,9 m², dĩ gi trị l 777.653.000 đồng (Vị trí 1: 1.375 m² x 120.000 đồng = 165.000.000 đồng; Vị trí 2: 1.375 m² x 72.000 đồng = 99.000.000 đồng; Vị trí 3: 7.337,9 m² x 70.000 đồng = 513.653.000 đồng).

Ông V cho rằng, ti sản ny được cha mẹ tặng cho ring, nên không đồng ý chia v yu cầu được ơng nhận l ti sản ring.

Phía bà A không thống nhất và xác định đây là tài sản chung có được trong thời kỳ hôn nhn. Ti sản ny mua lại của ơng Suội, b Á (cha mẹ chồng), nhưng thực hiện theo hình thức hợp đồng tặng cho ơng V để không phải chịu thuế. Cũng giống như các tài sản khc, ơng V đều đại diện đứng tên trn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất v thửa đất 1275 cũng không ngoại lệ.

Vì vậy, việc ơng V cho rằng thửa đất 1275 l ti sản ring của ơng l không đúng.

Xt thấy, lời trình by của phía b A ph hợp với lời khai của anh Tạ Thanh Trung, chị L Thị Thu T1 (em trai v em du ơng V).

Tại Bin bản lấy lời khai ngđ 28/8/2020 v tại tịa, chị Thủy (anh Trung) trình by: Phần đất 8.688 m² (thửa 1275), do cha mẹ bn cho vợ chồng ơng V, b A giá 200.000.000 đồng/ơng (vừa bn, vừa cho), nếu bn cho người ngoài thì không bán giá đó. Thời điểm cha mẹ bán đất cho ông V, b A trên đất đ dĩ trồng xồi. Ông V, b A dĩ giao cho anh chị chăm sóc cây, khi thu hoạch có lợi nhuận sẽ chia đôi. Thu hoạch xồi nhiều lần, b A không nhận tiền m nhờ anh chị gửi tiền trả b Á. Đồng thời, ông V, b A cịn nhiều lần gửi tiền cho b Át, nhưng không r l bao nhiêu, được biết hiện tại ơng V, b A cịn nợ cha mẹ hơn 01 tỷ đồng. Cịn việc ơng V đứng tên trên giấy chứng nhận là đại diện đứng tên, cũng giống như anh chị khi mua đất của cha mẹ cũng do một mình anh Trung đại diện đứng tên.

Tại Giấy xc nhận ngđ 25/5/2020, chị Thủy xc nhận: Thửa đất 217, 220 l của b A, ơng V mua lại của 02 người cô bà con bên ơng V; cịn thửa đất 1275 thì b A, ơng V mua lại của ơng Suội, b Át. Cc thửa đất này nằm giáp ranh nhau, tiền mua đất là do ông Trần Văn T1 (cha ruột b A) cho tiền mua, ơng V đại diện đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại Giấy xc nhận ghi năm 2020 (không ghi ngày tháng), b Nguyễn Thị Át xc nhận: Năm 2013, vợ chồng bà bn thửa đất 1275 cho vợ chồng Tạ Văn V, Trần Thị A.... Tuy nhin, sau đó ơng V nộp cho Tịa n “Tờ tường trình” ghi năm

2020 (không ghi ngày tháng) và tại Bìn bản lấy lời khai ngày 28/8/2020, bà Át phủ nhận không hề bán đất cho ông V, bà A, mà chỉ tặng cho riêng ông V thửa đất 1275.

Xét thấy, lời khai của bà Át trước sau không thống nhất, mâu thuẫn nhau. Lời khai sau là có sự tác động từ phía ông V, vì tình mẫu tử mà bà Át trình bày thiếu khách quan, không trung thực, nhằm hướng có lợi cho con trai (ông V).

Xét lời khai của anh Tr, chị T 1 trung thực, đúng sự thật.

Ông V dựa vào giấy chứng nhận do mình đứng tên để phủ nhận thửa đất 1275 là tài sản chung và yêu cầu công nhận tài sản riêng không đúng.

Như chị T, anh Tr trình bày, vì 1 con chu trong nhà nên ông S, bà Át bán đất cho ông V, bà A với giá 200.000.000 đồng/công (vừa bán, vừa cho), nếu bán cho người ngoài thì không bán gì đó.

Qua đó, xác định 10.087,9 m² đất (thửa 1275) 1 tài sản chung của bà A, ông V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Mặt khác, trước khi bán đất cho vợ chồng V, A; ông S, bà Át để cho con gái Tạ Thanh Th 500 m² đất cất nhà ở. Bà A, ông V cũng thừa nhận và đồng ý tách ra 500 m² đất cho Tạ Thanh Th.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/10/2020 (BL109-111) của Tịa n nhân dân huyện Chu Thành A, tỉnh Hậu Giang và Mảnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu, xác định:

Thửa đất 1275 có tổng diện tích 1 10.087,9m² (chiều ngang đầu ngoài - phần giáp lộ có diện tích là 45.68 m², chiều ngang đầu trong - phần giáp kênh thủy lợi có diện tích 1 45.10 m²; chiều dài của 02 cạnh có diện tích 1 222,57 m²). Bà Tạ Thanh Th đã xây nhà trên diện tích 101.7 m² (chiều ngang 5.65m, chiều dài 18m).

Bà A, ông V thống nhất tách ra cho bà Th 500 m², nên ghi nhận.

Vì vậy, phần đất bà Th được nhận tiếp giáp với thửa đất 252, 207 (từ lộ nhìn vào phía bên phải - theo Mảnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu), chiều ngang mặt ngồi giáp lộ và mặt sau có diện tích 1 5,924 m², chiều dài của 02 cạnh có diện tích 1 84,403 m².

Sau khi tách ra cho bà Th 500 m², thửa 1275 diện tích còn lại 1 9.587.9 m². Nếu chia đôi thì ông V, bà A mỗi bên được nhận 4.793,95 m², tương đương 335.576.500 đồng (70.000 đồng/m²).

Tuy nhiên, như đã nêu trên, công sức đóng góp của bà A nhiều hơn ông V, nên tài sản được chia theo tỷ lệ 6/4 (bà A nhận 6 phần, ông V nhận 4 phần). Do đó,

ông V được nhận diện tích 3.835,16 m² (9.587.9 m² x 40/100), tương đương 268.461.200 đồng;

Bà A được nhận diện tích 5.752,74 m² (9.587.9 m² x 60/100), tương đương 402.691.800 đồng (70.000 đồng/m²);

Phần đất của ông V được nhận tiếp giáp với đất bà Tho, chiều ngang mặt ngòi cũ diện tích 1 13,464 m² (phần gip lộ giới 1 13,637 m²), chiều ngang mặt sau gip kênh thủy lợi cũ diện tích 1 19,388 m².

Diện tích chiều di, cạnh (đoạn) gip với đất b Tho 1 84,403 m², cạnh di tiếp gip với thửa đất 220, 217 cũ diện tích 138,167 m², cạnh di tiếp giáp với đất bà A cũ diện tích 1 222, 57 m².

Phần đất b A được nhận (5.752,74 m²), chiều ngang mặt ngòi cũ diện tích 1 25,712 m² (phần gip lộ 1 26,043 m²), diện tích chiều ngang mặt sau 1 25,712 m², diện tích chiều di của 02 cạnh 1 222,57 m² (theo Mảnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu).

Bà A có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, xác lập lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02279, do UBND tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/9/2001, chỉnh lý ngày 27/11/2017 cho ông Tạ Văn V đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02720, do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 16/11/2010 cho bà Trần Thị A đứng tên – chỉnh lý chuyển qua cho bà Trần Thị Lệ A đứng tên toàn bộ tài sản nhà, đất tọa lạc số 130E/5 Khu dân cư Thới Nhứt 2, phường A, quận N, thành phố C;

Bà A có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, xác lập lại quyền sử dụng đất – theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:00726, do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/5/2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:00299, do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23/9/2014 - chỉnh lý chuyển qua cho b Trần Thị Lệ A đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 220, 217 – đất tọa lạc ấp Tr, x Trường L, huyện C, tỉnh H;

B A, ông V, b Th có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, xác lập lại quyền sử dụng đất mà mình được hưởng và tách quyền sử dụng 500 m² cho b Tạ Thanh Tho – theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO246349, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00789, do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 28/11/2013 cho ông Tạ Văn Suội, chỉnh lý qua tn ông

Tạ Văn V ngày 31/12/2013 và Mệnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu.

3/ Đối với cây trồng:

- Cây trồng trên thửa đất 217:

Xôi ct Hịa Lộc: 406 cy loại B x 840.000 đồng/cây = 341.040.000 đồng;

Cau ăn trái: 02 cây loại B x 245.000 đồng/cây = 490.000 đồng;

Cĩ gĩ trị l 341.530.000 đồng.

Nếu chia đôi thì ông V, bà A mỗi bên được nhận 170.765.000 đồng.

Tuy nhìn, sẽ chia theo tỷ lệ 6/4 (b A 6 phần, ông V 4 phần), thì bà A được hưởng 204.918.000 đồng, ông V được hưởng 136.612.000 đồng.

Do cc cy trồng nằm trn thửa đất 217 (thửa đất này được giao cho b A quản lý, sử dụng), nn b A cũ trch nhiệm hồn gĩ trị cy trồng cho ông V l 136.612.000 đồng.

- Cây trồng trên thửa đất 1275:

+ Xôi ct Hịa Lộc: 188 cy loại A x 1.200.000 đồng/cây = 225.600.000 đồng; 149 cy loại B x 840.000 đồng/cây = 125.160.000 đồng;

+ Nhn: 08 cy loại C x 140.000 đồng/cây = 1.120.000 đồng;

+ Bình bt: 16 cy loại C x 10.000 đồng/cây = 160.000 đồng.

Cĩ gĩ trị l 352.040.000 đồng.

Nếu chia đôi tài sản, thì ông V, b A mỗi người được nhận là 176.020.000 đồng.

Tuy nhìn, sẽ chia theo tỷ lệ 6/4 (b A 6 phần, ông V 4 phần), bà A được hưởng là 211.224.000 đồng, ông V được hưởng là 140.816.000 đồng.

Do hai bên đều nhận đất (b A nhận 5.752,74 m², ông V nhận 3.835,16 m²), nn hai bên đồng thời được hưởng cc cy trồng nằm trn phần đất m mình được nhận theo tỷ lệ 6/4 (bn ny khơng phải hồn gĩ trị ti sản cho bn kia).

Tổng gĩ trị ti sản ông V được hưởng là 4.023.293.240 đồng, bà A được hưởng là 6.034.939.860 đồng.

4/ Đối với số tiền 14.141.000.000 đồng (phần hn gĩp vốn tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại 279):

Ông V yêu cầu được chia đôi số tiền 14.141.000.000 đồng, tức l được chia 7.070.500.000 đồng (14.141.000.000 đồng/2). Phía b A khơng chấp nhận yu cầu ny, ông V khơng cũ lin quan gĩ đến cổ phần gĩp vốn, vì đây là công việc làm ăn ring trong nội bộ gia đình b A.

Tại Công văn số 11/ĐKKD ngày 17 thng 02 năm 2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang xác nhận: “Qua rà soát dữ liệu trên Hệ thống thông tin

đăng ký doanh nghiệp Quốc gia đến 28/12/2017, b Trần Thị A cịn thể hiện l Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại 279...”.

Tuy nhìn, trước đó tại bản tự khai ngày 30/12/2021 ông Trần Thanh Phong – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mại 279, xc nhận: “B Trần Thị A hiện không cịn lm việc, không hưởng các chế độ, không cịn l thnh vin sng lập v không cịn cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại 279” và tại Thông báo số 09/TB-CTY279 ngày 03/3/2022 của Công ty 279, xc nhận: B Trần Thị A không cịn l thnh vin sng lập v không cịn cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại 279.

Ngồi ra, tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 08/3/2019, b Trần Thị A đ chuyển nhượng cho ông Trần Thanh Tú 1.790.000 cổ phần (thnh tiền theo mệnh gi 17.900.000.000 đồng). Đồng thời bà A đ chi trả số tiền đ mượn cho ông Trần Văn Thoài là 17.900.000.000 đồng (Tại Bin bản ngày 08/3/2019 – về việc thanh lý số tiền mượn). V kèm theo Giấy xác nhận của ông Trần Văn Thoài lập ngày 07/7/2020 (về việc bà A đ trả số tiền mượn là 17.900.000.000 đồng).

Hơn nữa tại phin tĩa ngày 26/01/2022, ông V thừa nhận ông không có đóng góp gì trong phần hn vốn 14.141.000.000 đồng.

Nn xt yu cầu của ông V địi chia số tiền trn không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với số tiền mua đất cịn nợ b Ất, ông Suội:

Bà A xác nhận, bà đ trả cho cha mẹ chồng 430.000.000 đồng, ông V đ trả khoảng 160.000.000 đồng, cịn nợ tiền mua đất khoảng 1,2 tỷ đồng.

Bà A đồng ý cng ông V trả số tiền này cho bà Ất (mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$), nhưng ông V không đồng ý. Tuy nhìn, do b Ất không có yêu cầu độc lập về số tiền bán đất nên không xem xét giải quyết, sẽ giải quyết sau khi đương sự có đơn khởi kiện.

+ Về số tiền cng chăm sóc cây của chị Thủy:

B A v ông V thống nhất trả cho chị Thủy 100.000.000 đồng (mỗi bn chịu $\frac{1}{2}$), nn ghi nhận.

+ Đối với số tiền 200.000.000 đồng (tiền bồi thường thu hồi đất), xe ơ tơ biển số 95A -00039, nhn hiệu For Everest (trị gi 700.000.000 đồng) và xe ô tô Camry mua năm 2014 (trị gi 1.3 tỷ đồng):

Ông V rt lại yu cầu này và cũng chưa nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này, nn không xem xt giải quyết.

Từ những chứng cứ trn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

[5]. Về án phí hơn nhn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông V phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia tài sản (4.023.293.240 đồng) và chịu án phí trên yêu cầu chia đôi số tiền 14.141.000.000 đồng không được chấp nhận. Nên số tiền án phí ông V phải chịu là 119.093.793 đồng.

Bà A phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia (6.034.939.860 đồng) là 114.034.940 đồng.

[6]. Về tạm ứng án phí:

Nguyên đơn đã nộp 59.835.500 đồng (Biên lai thu số 002571 ngày 25/5/2020), số tiền này sẽ được trừ vào án phí. Số tiền án phí còn lại nguyên đơn phải nộp là 59.258.293 đồng (119.093.793 đồng - 59.835.500 đồng). ;

Bị đơn đã nộp 28.500.000 đồng (Biên lai thu số 002843 ngày 23/7/2020), số tiền này sẽ được trừ vào án phí. Số tiền án phí còn lại nguyên đơn phải nộp là 85.534.940 đồng (114.034.940 đồng - 28.500.000 đồng).

[7]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thu của ông Tạ Văn V 6.000.000 đồng (Phiếu thu ngày 27/8/2020), đã chi phí hết 4 triệu đồng, còn lại 2 triệu đồng ông V được nhận lại.

Tòa án nhân dân huyện Chu Thành A, tỉnh Hậu Giang thu của ông Tạ Văn V 5.000.000 đồng (Phiếu thu ngày 20/10/2020), ông V chịu (đã chi phí hết); Tòa án nhân dân huyện Chu Thành A, tỉnh Hậu Giang thu của bị đơn - ông Nguyễn Như Hùm nộp 3.000.000 đồng (Phiếu thu ngày 13/01/2021, Phiếu thu ngày 30/6/2021), đã chi phí hết 2.600.000 đồng, còn lại 400.000 đồng bị đơn đã nhận lại (bị đơn chịu - đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 33, Điều 34, khoản 2 Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: 1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Giao nhà, đất tại thửa 52 (97.70 m², đất ODT) và thửa 120 (82.20 m², đất CLN) - tọa lạc số 130E/5 Khu dân cư Thới Nhứt 2, phường A, quận N, thành phố C cho bà Trần Thị A quản lý, sử dụng.

B A cũ trch nhiệm hồn trả giá trị nhà, đất cho ơng V l 3.354.483.240 đồng.

Bà A đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, xác lập lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02279, do UBND tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/9/2001, chỉnh lý ngày 27/11/2017 cho ơng Tạ Văn V đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02720, do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 16/11/2010 cho b Trần Thị A đứng tên – chuyển toàn bộ ti sản trn qua tn b Trần Thị A;

+ Giao 2.599 m² v 2.522,7 m² đất lúa (thửa 220, 217) – tọa lạc ấp Tr, x Trường L, huyện C, tỉnh H – theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:00726, do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/5/2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:00299, do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23/9/2014 do ông Tạ Văn V đứng tên cho b Trần Thị A quản lý, sử dụng; bà A có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, xác lập lại quyền sử dụng đất - chuyển toàn bộ ti sản trn qua tn b Trần Thị A;

B A cũ trch nhiệm hoàn trả giá trị đất (thửa 217, 220) cho ơng V l 122.920.800 đồng v hồn trả gi trị cy trồng trên thửa đất 217 cho ông V l 136.612.000 đồng;

2/ Không chấp nhận yu cầu của nguyên đơn về chia đôi số tiền 14.141.000.000 đồng (phần hn gộp vốn tại Công ty 279);

3/ Chấp nhận một phần yu cầu phản tố của bị đơn.

+ Bà A được nhận 5.752,74 m² và cây trồng trên đất (gi trị 402.691.800 đồng);

+ Ông V được nhận 3.835,16 m² và cây trồng trên đất (gi trị 268.461.200 đồng);

+ Ghi nhận việc ơng V, b A thống nhất giao cho b Tạ Thanh Tho 500 m² đất CLN, thửa 1275.

Cụ thể, vị trí, diện tích đất các bên được nhận như sau:

¹ Phần đất bà Tho được nhận tiếp giáp với thửa đất 252, 207 (từ lộ nhìn vo phía bn phải), chiều ngang mặt ngời gip lộ v mặt sau cũ diện tích l 5,924 m², chiều di của 02 cạnh cũ diện tích l 84,403 m² - theo Mảnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu);

² Phần đất của ông V được nhận (3.835,16 m²) tiếp giáp với đất bà Tho, chiều ngang mặt ngoài có diện tích là 13,464 m² (phần gip lộ giới l 13,637 m²), chiều ngang mặt sau gip knh thủy lợi cũ diện tích l 19,388 m²;

Diện tích chiều di, cạnh (đoạn) giáp với đất bà Tho là 84,403 m², cạnh dài tiếp giáp với thửa đất 220, 217 có diện tích 138,167 m², cạnh di tiếp giáp với đất bà A có diện tích là 222, 57 m²;

³ Phần đất bà A được nhận (5.752,74 m²), chiều ngang mặt ngòi cũ diện tích 1 25,712 m² (phần gip lộ 1 26,043 m²), diện tích chiều ngang mặt sau 1 25,712 m², diện tích chiều di của 02 cạnh 1 222,57 m² (theo Mảnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu).

B A, ơng V, b Tho đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, xác lập lại quyền sử dụng trn diện tích đất được nhận v tch quyền sử dụng 500 m² đất cho b Tạ Thanh Tho - theo Mảnh trích đo địa chính số 01/2021 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO246349, số vào sổ cấp GCN: CH 00789, do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 28/11/2013 cho ông Tạ Văn Suội, chỉnh lý qua tên ông Tạ Văn V ngy 31/12/2013;

+ Ghi nhận việc ơng V, bà A thống nhất thống nhất trả cho chị Thủy 100.000.000 đồng tiền công chăm sóc cây (mỗi bên chịu ½);

+ B Á cũ quyền khởi kiện b A, ơng V đối với số tiền mua bán đất để giải quyết thnh vụ n khc;

+ Không xem xét giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng (tiền bồi thường thu hồi đất), xe ô tô biển số 95A -00039, nhn hiệu For Everest (trị gi 700.000.000 đồng) và xe ô tô Camry mua năm 2014 (trị giá 1.3 tỷ đồng), do ơng V chưa nộp tiền tạm ứng án phí và ông V đ rt lại yu cầu ny.

Về án phí hơn nhn sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý v sử dụng n phí v lệ phí Tịa n ngy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn phải nộp là 119.093.793 đồng.

Bị đơn phải nộp là 114.034.940 đồng.

Về tạm ứng n phí: Nguyên đơn đ nộp 59.835.500 đồng (Biên lai thu số 002571 ngày 25/5/2020), số tiền ny sẽ được trừ vào án phí. Số tiền cịn lại nguyên đơn phải nộp là 59.258.293 đồng (119.093.793 đồng - 59.835.500 đồng);

Bị đơn đ nộp 28.500.000 đồng (Biên lai thu số 002843 ngày 23/7/2020), số tiền ny sẽ được trừ vào án phí. Số tiền cịn lại bị đơn phải nộp là 85.534.940 đồng (114.034.940 đồng - 28.500.000 đồng).

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Căn cứ Điều 158, 161, 162, 163, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tịa n nhn dn quận Ninh kiều, thnh phố Cần Thơ thu của ông Tạ Văn V 6.000.000 đồng (Phiếu thu ngày 27/8/2020), đ chi phí hết 4 triệu đồng, cịn lại 2 triệu đồng ông V được nhận lại.

Tịa n nhn dn huyện Chu Thnh A, tỉnh Hậu Giang thu của ơng Tạ Văn V 5.000.000 đồng (Phiếu thu ngày 20/10/2020), đ chi phí hết;

Thu của ông Nguyễn Như Hùm 3.000.000 đồng (Phiếu thu ngày 13/01/2021, Phiếu thu ngày 30/6/2021), đ chi phí hết 2.600.000 đồng, cịn lại 400.000 đồng bị đơn đ nhận lại.

Về quyền khng co: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt cũ quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ
- VKSND quận N
- THADS quận N
- Đương sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa
(Đ ký)

Nguyễn Hồng Quân